

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Phụ lục
DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI, NGHỈ THÔI VIỆC DO SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2025

Nghỉ từ ngày 01 tháng 09 năm 2025
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Minh Long)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: Đồng)	Số năm đóng BHXH bắt buộc theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết chính sách	Thời điểm nghỉ	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách		Tổng kinh phí để thực hiện chính sách (ĐVT: Đồng)	Nguồn kinh phí chi trả (ĐVT: Đồng)
											Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc		Nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2025
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=15	15
	HUYỆN MINH LONG													
	Nghỉ hưu trước tuổi													
I	CÔNG CHỨC												984,599,000	984,599,000
1	Lê Khắc Bảo	19/12/1964	Trung cấp	Nhân viên	Ủy ban MTTQVN xã	7,634,250	17 năm 3 tháng	60 tuổi 8 tháng	30/8/2025	10 tháng	x		76,343,000	76,343,000
2	Hồ Thị Kim Dung	08-10-1972	Đại học	Chuyên viên	Ủy ban MTTQVN xã	11,144,250	17 năm 7 tháng	53 tuổi	30/8/2025	5 năm 4 tháng	x		908,256,000	908,256,000
II	VIÊN CHỨC												2,028,837,000	2,028,837,000
3	Thượng Anh	09/8/1968	Đại học	Phó Giám đốc	Trung tâm chính trị xã	20,808,581	32 năm	57 tuổi	01/9/2025	5 năm	x		2,028,837,000	2,028,837,000
	Tổng cộng												3,013,436,000	3,013,436,000

83,976,750

01/01/1965

53

57

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MINH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP LƯƠNG ĐỂ TÍNH NGHỈ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024

TT	HỌ VÀ TÊN	Mã ngạch	Hệ số lương	Mức lương cơ bản	PC CV	PC vượt khung 9%	PC Công vụ 25%	Phụ cấp ưu đãi nghề 28%	Phụ cấp ưu đãi ngành 30%	Tổng cộng	Thực nhận	Ghi chú
A	B	C	1	2	3		9			10	12	13
1	Thượng Anh 09/8/1968	V.07.05.15	4.98	11,653,200	468,000	1,048,788		3,687,597	3,950,996	20,808,581	20,808,581	
2	Lê Khắc Bảo 19/12/1964	01.005	2.46	5,756,400	351,000		1,526,850			7,634,250	7,634,250	
3	Hồ Thị Kim Dung 10/8/1972	01.003	3.66	8,564,400	351,000		2,228,850			11,144,250	11,144,250	
	Tổng cộng :			25,974,000	1,170,000	1,048,788	3,755,700	3,687,597		39,587,081	39,587,081	

13,241,456

17,108

#REF!

#REF!